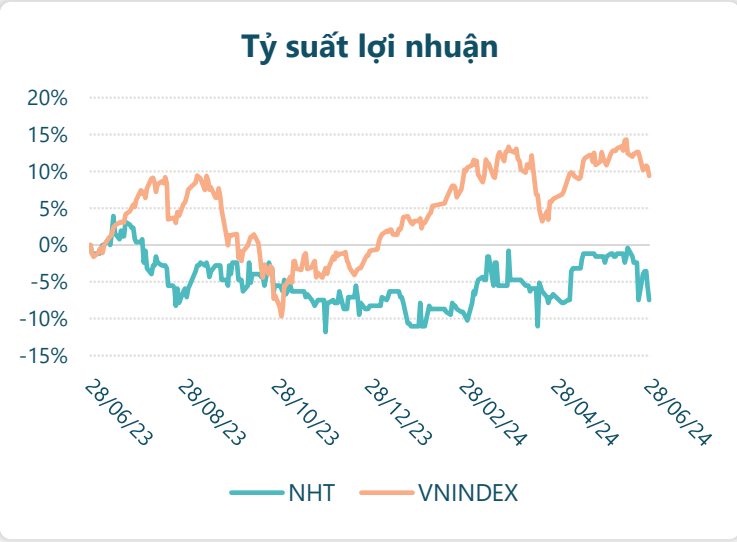


Ngày	11,750 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-6.4%	-2.9%	1.3%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	11,200 - 13,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	282
Số lượng CPLH (CP)	24,003,698
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,760
Sở hữu nước ngoài	3.0%
Beta	0.01
EPS	69
P/E	171.2



Doanh thu thuần
Q2/24

73.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.70 | 15.2%

YoY: ▼7.40 | -9.1%

Nợ/VCSH
Q2/24

59.3%

YoY: +/-▲ 6.5%

LN gộp
Q2/24

16.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.00 | 94.5%

YoY: ▲ 3.90 | 31.2%

ROE (TTM)
Q2/24

0.4%

YoY: +/-▲ 0.6%

LN trước thuế
Q2/24

1.43

tỷ VNĐ

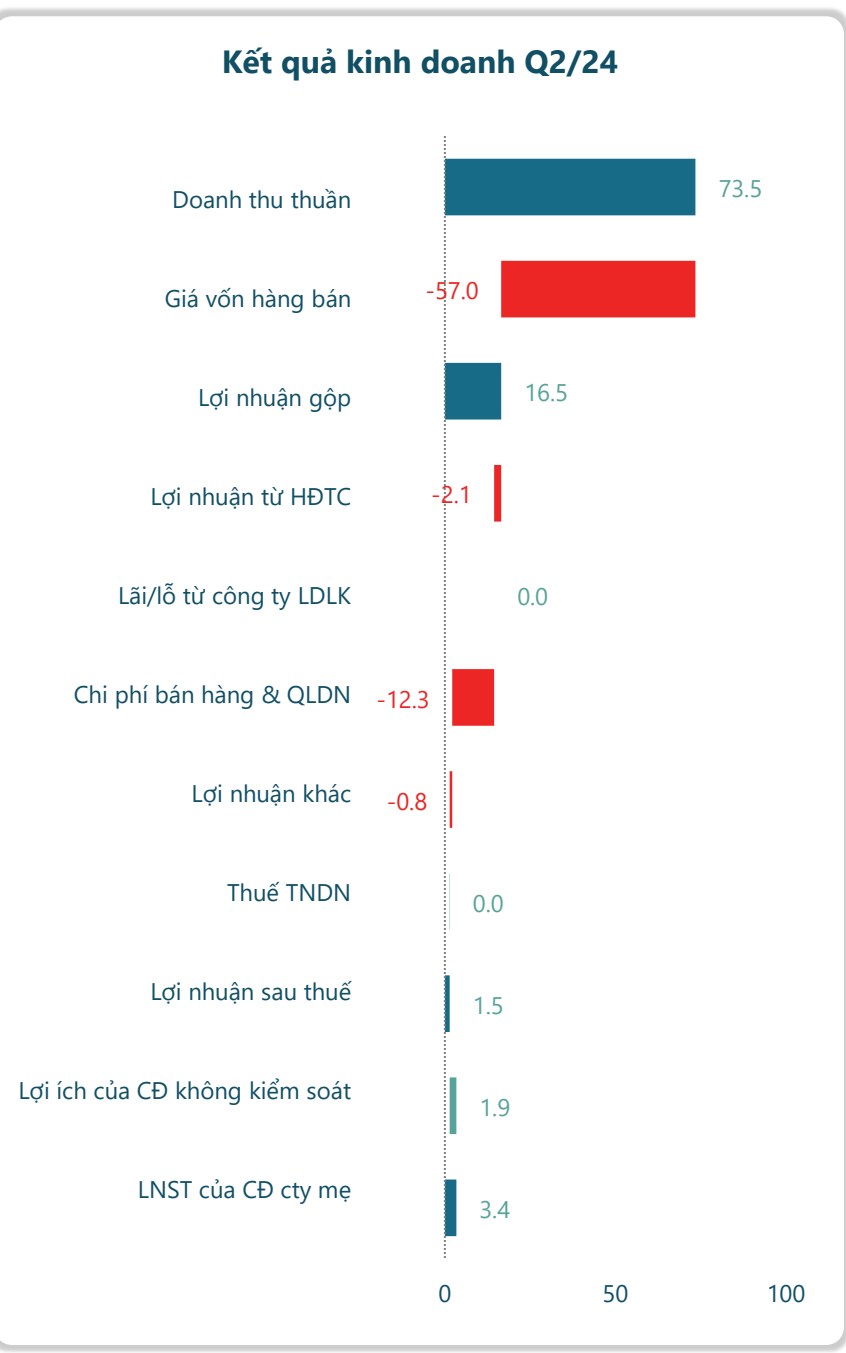
QoQ: ▲ 7.93 | 122%

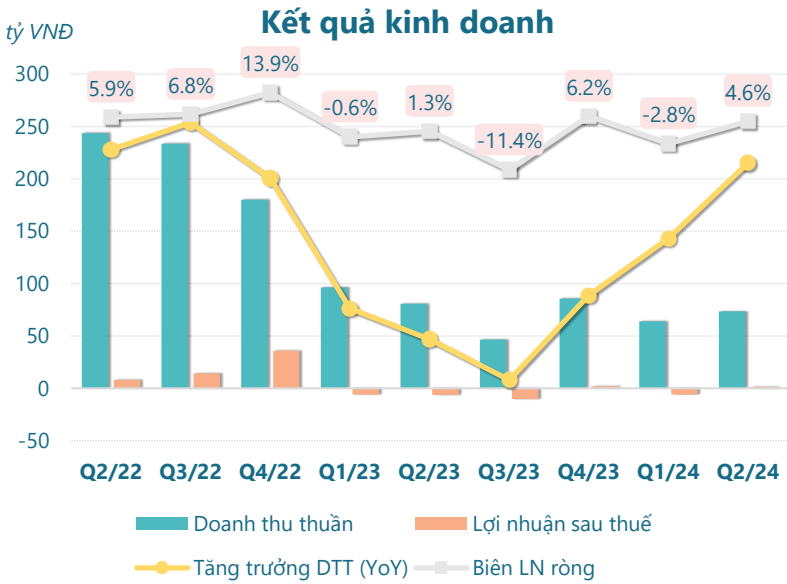
YoY: ▲ 8.28 | 121%

ROA (TTM)
Q2/24

0.3%

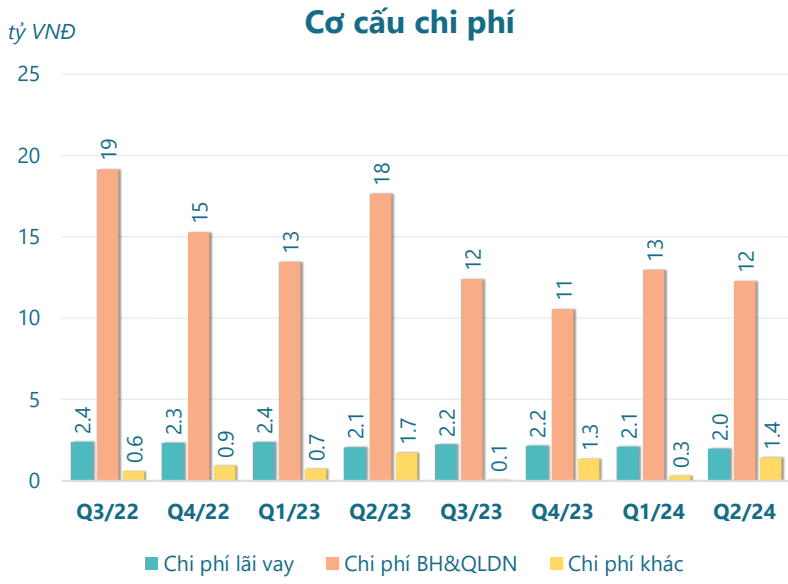
YoY: +/-▲ 0.4%





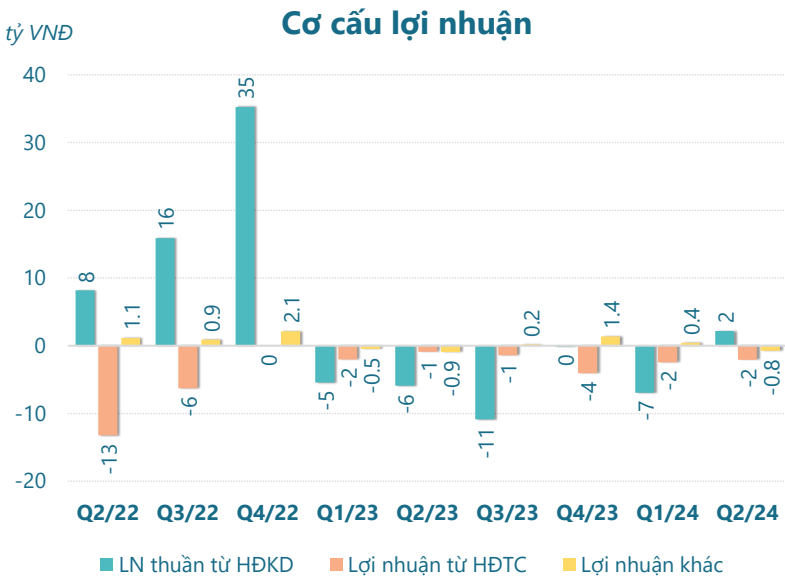
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 2.19 tỷ đồng**, tăng thêm 9.12 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 8.09 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 2.06 tỷ đồng** tăng thêm 0.40 tỷ đồng so với kỳ trước và giảm đi 1.17 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.76 tỷ đồng** giảm đi 277% so với kỳ trước và tăng thêm 0.19 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **NHT** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **73.51 tỷ đồng** giảm đi **9.08%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 1.46 tỷ đồng, tăng thêm 7.75 tỷ đồng** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **137.0 tỷ đồng** thấp hơn 22.6% so với cùng kỳ năm trước, **Lũy kế 6 tháng** đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **137.0 tỷ đồng** thấp hơn 22.6% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lỗ -5.00 tỷ đồng** tăng thêm



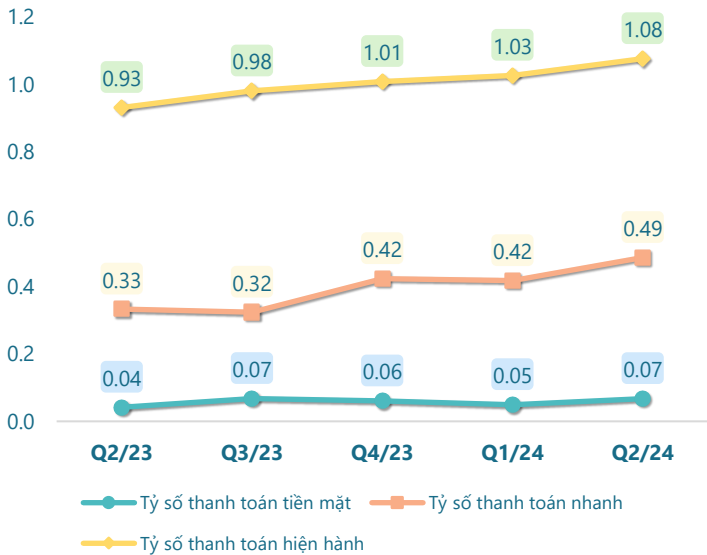
Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **1.97 tỷ đồng** giảm đi 5.74% so với kỳ trước và thấp hơn 4.37% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **12.28 tỷ đồng** giảm đi 5.39% so với kỳ trước và thấp hơn 30.4% so với cùng kỳ năm trước.

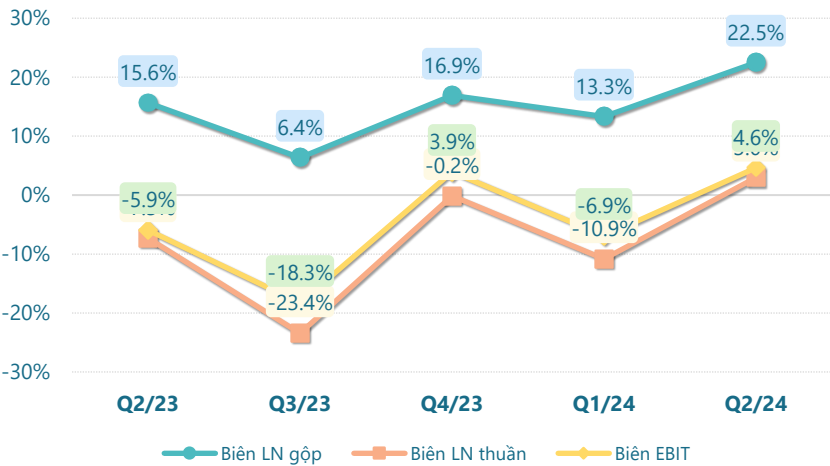
Chi phí khác bằng **1.43 tỷ đồng** tăng thêm 361% so với kỳ trước và thấp hơn 16.4% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	73.5	63.8	15.2%	80.9	-9.1%	137	177	-22.5%
Giá vốn hàng bán	57.0	55.3	3.0%	68.2	-16.4%	112	155	-27.3%
Lợi nhuận gộp	16.5	8.50	94.5%	12.6	31.2%	25.0	22.7	10.4%
Doanh thu HĐTC	0.48	0.40	20.7%	2.08	-76.8%	0.89	3.13	-71.7%
Chi phí TC	2.54	2.86	-11.1%	2.97	-14.4%	5.40	6.03	-10.4%
Chi phí lãi vay	1.97	2.09	-5.9%	2.06	-4.5%	4.05	4.44	-8.6%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	2.39	2.53	-5.3%	4.36	-45.1%	4.92	8.94	-44.9%
Chi phí QLDN	9.89	10.4	-4.9%	13.3	-25.7%	20.3	22.2	-8.3%
LN thuần từ HĐKD	2.19	-6.93	132%	-5.90	137%	-4.74	-11.3	58.2%
Lợi nhuận khác	-0.76	0.43	-276%	-0.95	20.2%	-0.33	-1.40	76.7%
LN trước thuế	1.43	-6.50	122%	-6.85	121%	-5.07	-12.7	60.2%
Lợi nhuận sau thuế	1.46	-6.01	124%	-6.29	123%	-4.55	-12.4	63.2%
LNST của CĐ cty mẹ	3.38	-1.77	291%	1.03	228%	1.61	0.47	247%

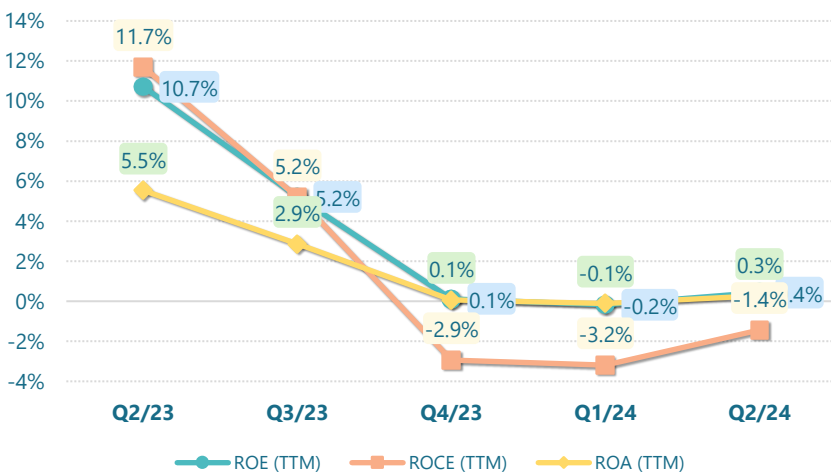
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

